TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-PT
Ngày 05/01/2024
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ

Ông Nguyễn Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thăng Bằng– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp đòi lại tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2023/DS-ST, ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 317/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn S,** sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Minh T, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Ngô Văn H** (vắng mặt).

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Văn H là ông Ngô Văn Sang N, sinh năm 1992, theo giấy ủy quyền ngày 18/9/2023 (có mặt)

2. Ông **Ngô Văn Sang N** (U), sinh năm 1992. (có mặt)

3. Ông **Lý C**. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý C: Bà Trần Thị T, sinh năm

1970, theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2023 (có mặt).

4. Bà **Trần Thị T**. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Văn S trình bày:

Nguyên vào ngày 10/3/2017 khi nhà thầu công trình tháo dỡ bỏ cầu C cũ và dư những tấm đal nên ông có hỏi xin về để lót tấm đal với giá là 10.000.000 đồng. Lúc đó, do không có tiền nên ông có cầm sổ thương binh để lấy tiền mua. Sau khi mua xong thì ông thông báo với các hộ dân là đal do ông mua. Do đal nặng nên ông có thuê ông Tạ Thành Th dùng phà và xáng cuốc đem về lót đường, mỗi tấm đal ông Th lấy giá là 200.000 đồng. Khi đó, ông thỏa thuận với các hộ dân là lót đal trên phần đất của ai thì người đó trả tiền công cho ông Th. Phần đất của ông C và bà T lót đường đi hết 15 tấm đal, phần đất của ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn Sang N lót đường đi hết 14 tấm đal. Tuy nhiên, sau đó chính quyền địa phương có làm lộ nông thôn mới nên dân ở đây thống nhất trả lại đal cho ông. Riêng hộ ông C, bà T và ông H, ông Sang N thì không trả mà lấy đem tấn bến sông. Sự việc ông có báo chính quyền địa phương nhưng phía hộ ông C, bà T và ông H, ông Sang N vẫn không trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lý C và bà Trần Thị T trả cho ông giá trị của 15 tấm đal, mỗi tấm trị giá là 500.000 đồng, tổng bằng tiền là 7.500.000 đồng và buộc ông Ngô Văn H và ông Ngô Văn Sang N trả cho ông giá trị của 14 tấm đal, mỗi tấm trị giá là 500.000 đồng, tổng bằng tiền là 7.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Ngô Văn Sang N trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do trước đây phía ông S có lại nhà ông để vận động lót đường đi. Khi đó, phía ông S nói là người cho đal, còn mình ra tiền lót mỗi tấm trả tiền công là 200.000 đồng, lót bao nhiêu thì trả bấy nhiêu nên gia đình ông mới đồng ý. Khi Nhà nước làm lộ nông thôn và tới nhà ông phía nhà thầu kêu lấy các tấm đal lên nhưng phía ông S ngăn cản không cho lấy. Ông S cho rằng các tấm đal là của ông và gia đình ông có báo chính quyền địa phương. Sau đó, đại diện chính quyền địa phương gồm ông D phó chủ tịch xã T, ông T1 làm ở Ủy ban nhân dân xã T, ông Q làm ở ấp L xuống giải quyết và cho gia đình ông lấy đal. Phía ông S có mặt ở đó nhưng không có ý kiến hay yêu cầu gì. Hiện gia đình ông mới lấy các tấm đal này để tấn bến bảo vệ lộ nông thôn mới làm. Theo ông được biết ông S yêu cầu lấy các tấm đal này lại là để bán cho người khác.

Nay ông Lê Văn S khởi kiện yêu cầu ông và cha ông trả giá trị của 14 tấm đal với tổng số tiền là 7.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

- Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do các tấm đal này là của Nhà nước cho, gia đình bà phải thuê chở về lót làm đường đi mỗi tấm đal là 200.000 đồng. Khi Nhà nước làm lộ nông thôn thì phía ông S ngăn cản không cho tháo dỡ nên bà cũng có báo chính quyền địa phương. Sau đó, có ông Dững, ông Q và ông T1 xuống giải quyết và cho gia đình bà lấy các tấm đal này, do đây là đal của Nhà nước. Hiện các tấm đal gia đình bà đã lấy tấn bến sông để bảo vệ lộ đal mới làm.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn S về việc yêu cầu bà cùng với chồng là ông Lý C trả lại giá trị của 15 tấm đal với giá là 7.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

- Bị đơn ông Lý C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của vợ ông là bà Trần Thị T, ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Phạm Minh T trình bày:

Theo các đương sự trình bày là nguyên đơn ông Lê Văn S có đến nhà các bị đơn để thông báo về việc lấy các tấm đal về lót đường đi. Về chi phí lót đường đi thì trên phần đất của ai thì người đó trả tiền, với giá chở và lót mỗi tấm đal là 200.000 đồng đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, theo nguyên đơn ông S cho rằng các tấm đal là do ông mua từ nhà thầu tổng cộng 50 tấm, với số tiền 10.000.000 đồng, giai đoạn phúc thẩm ông S có cung cấp Giấy xác nhận của Công ty Tín Tài P đối với nội dung này. Điều này chứng minh ông S có mua các tấm dal này là sự thật nên kháng cáo của ông S là có căn cứ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn S.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2023/DS-ST, ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn S.

Về việc buộc ông Lý C và bà Trần Thị T trả cho nguyên đơn ông Lê Văn S giá trị của 15 tấm đal, mỗi tấm 500.000 đồng, bằng tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và buộc ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn Sang N trả cho

nguyên đơn ông Lê Văn S giá trị của 14 tấm đal, mỗi tấm 500.000 đồng, bằng tiền là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

2/. Về chi phí thẩm định và định giá: Tổng số tiền là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng) buộc nguyên đơn ông Lê Văn S chịu. Nguyên đơn đã thực hiện xong,

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn S được miễn, không phải chịu án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn ông Lê Văn S kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn S là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Nội dung vụ án: Tại bản án sơ thẩm số 147/2023/DS-ST, ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Về việc buộc ông Lý C và bà Trần Thị T trả cho nguyên đơn ông Lê Văn S giá trị của 15 tấm đal, mỗi tấm 500.000 đồng, bằng tiền là 7.500.000 đồng và buộc ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn Sang N trả cho nguyên đơn ông Lê Văn S giá trị của 14 tấm đal, mỗi tấm 500.000 đồng, bằng tiền là 7.000.000 đồng. Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn S yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm ông Lê Văn S

có cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận đề ngày 04/10/2023 nội dung: *"Công ty Tín Tài P của chúng tôi có tháo dỡ Cầu C tại xã T, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 10/3/2017 có bán cho ông Lê Văn S sinh năm 1958, địa chỉ: ấp L , xã T, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng 50 tấm đal cầu tháo dỡ cho ông Lê Văn S sử dụng với giá tiền là 10.000.000 đồng viết bằng chữ mười triệu đồng đúng là sự thật."*. Cuối Giấy xác nhận có dấu mộc của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tín Tài P ký tên Giám đốc Nguyễn Thanh T. Tuy nhiên, ông S không cung cấp địa chỉ của Công ty Tín Tài P, cũng như không cung cấp được các giấy tờ hay biên nhận về việc mua bán các tấm đal nêu trên. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 06/7/2023 thì ông Lê Minh D là Phó chủ tịch UBND xã T trình bày: "*Trước đây khi thi công cầu C thì đơn vị thi công có tháo dỡ cầu cũ và có thừa các tấm đal nên bà con tuyến đường ông S, ông H không có lộ nên có liên hệ với nhà thầu hỏi các tấm đal này đem về lót đường đi. Được sự đồng ý thì bà con tuyến đường này bỏ tiền ra thuê người chở về lót khi đó trên phần đất của ai thì người đó chịu tiền chứ không phải của ông S mua. Sau đó, khi Nhà nước làm lộ con đường này thì các tấm đal được các hộ dân tự tháo dỡ trả lại mặt bằng cho nhà thầu khi đó phía ông H có lên báo với địa phương là ông S không cho tháo nên ông mới xuống khi đó ông S không có yêu cầu bồi thường gì nên chúng tôi không có lập biên bản*". Từ đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả lại các tấm đal là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì nguyên đơn đi khởi kiện phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng nguyên đơn không cung cấp được đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc mua 50 tấm đal này trong khi các bị đơn không thừa nhận. Do vậy, cấp sơ thẩm không cấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn S và trình bày của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản tranh chấp tổng số tiền là 3.300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi (trên 60 tuổi và có đơn xin miễn) nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét miễn án phí cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là có căn cứ. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên do ông Lê Văn S là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2023/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn S.

Về việc buộc ông Lý C và bà Trần Thị T trả cho nguyên đơn ông Lê Văn S giá trị của 15 tấm đal, mỗi tấm 500.000 đồng, bằng tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và buộc ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn Sang N trả cho nguyên đơn ông Lê Văn S giá trị của 14 tấm đal, mỗi tấm 500.000 đồng, bằng tiền là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

2/. Về chi phí thẩm định và định giá: Tổng số tiền là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng) buộc nguyên đơn ông Lê Văn S chịu. Nguyên đơn đã thực hiện xong,

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn S được miễn, không phải chịu án phí.

4/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tx N;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tx N;
- Chi cục THADS tx N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga